

Số: /BC-STNMT

Đồng Nai, ngày 15 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả công tác cải cách hành chính, kiểm soát
thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Văn bản số 1834/SNV-CCHC ngày 23/02/2022 của Sở Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

Xác định đây là một trong các nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của Sở, ngay từ đầu năm 2022, Sở đã tổ chức họp, rà soát các nhiệm vụ theo chỉ đạo của UBND tỉnh (*tại Kế hoạch số 16341/KH-UBND ngày 28/12/2021 về cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2022 và Kế hoạch số 16342/KH-UBND ngày 28/12/2021 về kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh Đồng Nai năm 2022*) và các chỉ tiêu, nhiệm vụ do ngành tự đề ra để đẩy mạnh công tác cải cách hành chính (CCHC), giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tại Sở. Trên cơ sở đó, ngày 28/01/2022, đã hoàn thành xây dựng, ban hành Kế hoạch số 52/KH-STNMT về cải cách hành chính năm 2022 và Kế hoạch số 54/KH-STNMT về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022, qua đó đã xác định cụ thể các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện trong năm 2022 như sau:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong quán triệt, triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, thường xuyên chỉ đạo rà soát giải quyết các khó khăn vướng mắc về công tác cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả đề án vị trí việc làm và xây dựng đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu công

việc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ.

- Tiếp tục phối hợp với Trung tâm Hành chính công tỉnh trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công nằm ngoài thủ tục hành chính và phối hợp đề xuất mở rộng phạm vi hình thức tiếp nhận hồ sơ theo mô hình “phi địa giới hành chính”.

- Thường xuyên rà soát bộ thủ tục hành chính ngành tài nguyên môi trường; rà soát, đề xuất đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính, dịch vụ công, thành phần hồ sơ, quy trình thực hiện nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Thông tin tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp lựa chọn sử dụng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính; khuyến khích người dân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chuyển đổi số, chính quyền số, đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kịp thời phát hiện các điểm còn hạn chế, thiếu sót để chấn chỉnh, khắc phục, nâng cao chất lượng giải quyết công việc; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, các trường hợp do các tổ chức, cá nhân phản ánh liên quan đến công tác giải quyết thủ tục hành chính.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc tiếp cận và khai thác kết quả giải quyết TTHC điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- Kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC; niêm yết công khai, minh bạch TTHC; rà soát đánh giá TTHC nhằm phát hiện, loại bỏ các TTHC không cần thiết, không hợp lý, không phù hợp; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC theo quy định; tăng cường kiểm tra kiểm soát TTHC.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh, ngay từ đầu năm, Giám đốc Sở đã đẩy mạnh chỉ đạo, chấn chỉnh trong công tác cải cách hành chính tại Sở, chỉ đạo nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính thông qua các nội dung chỉ đạo tại các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt và thông qua các văn bản chỉ đạo.

2. Về thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

Ngày 19/4/2022, Sở đã ban hành Kế hoạch số 168/KH-STNMT về kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022. Dự kiến kiểm tra 08 phòng, đơn vị gồm: Phòng Quy hoạch, Phòng Tài nguyên nước, khoáng sản và biến đổi khí hậu, Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Quản lý đất đai, Trung tâm phát triển Quỹ đất, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và 02 chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Long Thành, Nhơn Trạch.

Ngày 17/5/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 626/QĐ-STNMT về việc thành lập Tổ kiểm tra công vụ trong công tác cải cách hành chính lĩnh vực đất đai để kiểm tra Văn phòng Đăng ký đất đai 02 Chi nhánh huyện Nhơn Trạch và Cẩm Mỹ, thời gian kiểm tra từ ngày 19/5/2022 đến ngày 27/5/2022.

Đối với các đơn vị còn lại sẽ kiểm tra theo tiến độ thực hiện tại Kế hoạch số 168/KH-STNMT ngày 19/4/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường, dự kiến hoàn thành trong Quý III/2022.

Thông tin cụ thể về việc triển khai kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC, đơn vị, cụ thể:

Tên đơn vị, bộ phận trực thuộc được thanh tra, kiểm tra	Thời gian thực hiện	Nội dung thanh tra, kiểm tra	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra
Phòng Quy hoạch	Quý III/2022	Công tác CCHC, KSTTHC, kiểm tra công vụ	
Phòng Tài nguyên nước, khoáng sản và biến đổi khí hậu	Quý III/2022	Công tác CCHC, KSTTHC, kiểm tra công vụ	
Chi cục Bảo vệ môi trường	Quý III/2022	Công tác CCHC, KSTTHC, kiểm tra công vụ	

Chi cục Quản lý đất đai	Quý III/2022	Công tác CCHC, KSTTHC, kiểm tra công vụ	
Trung tâm phát triển Quỹ đất	Quý III/2022	Công tác CCHC, KSTTHC, kiểm tra công vụ	
Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	Quý III/2022	Công tác CCHC, KSTTHC, kiểm tra công vụ	
Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Long Thành	Quý III/2022	Công tác CCHC, KSTTHC, kiểm tra công vụ	
Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Nhơn Trạch	Tháng 5/2022	Kiểm tra công vụ công tác giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai	Đang hoàn thiện thông báo kết luận
Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Cẩm Mỹ	Tháng 5/2022	Kiểm tra công vụ công tác giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai	

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về thông tin, tuyên truyền kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Đồng Nai năm 2022, ngày 08/02/2022, Sở đã ban hành Kế hoạch số 57/KH-STNMT về thông tin, tuyên truyền kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 nhằm tuyên truyền nội dung cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính đến các công chức, viên chức, người lao động, đồng thời nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, các tổ chức, cá nhân về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện.

4. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Trong năm 2022, Sở đã đẩy mạnh, tuyên truyền khuyến khích công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở đăng ký các sáng kiến, cách làm hiệu quả trong việc giải quyết thủ tục hành chính gửi Sở Nội vụ tổng hợp (*Văn bản số 3678/STNMT-VP ngày 31/5/2022*). Cụ thể:

1. Giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
2. Áp dụng việc biểu hoá báo cáo trong công tác báo cáo kiểm tra cải cách

hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thực hiện chuyển đổi số trong các quy trình thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy phép thăm dò, khai thác sử dụng tài nguyên nước; hành nghề khoan nước dưới đất và tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4. Thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường trực tuyến để rút ngắn thời gian và giảm thiểu thời gian đi lại của người dân trong quá giải quyết thủ tục hành chính.

5. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác giải quyết đơn thư của công dân, đảm bảo sự hài lòng của người dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

Công tác xây dựng, rà soát văn bản quy phạm pháp luật được Sở Tài nguyên và Môi trường quan tâm và chú trọng thực hiện. Sở thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương mới ban hành để kịp thời xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật trái quy định pháp luật hoặc không còn phù hợp. Hầu hết các văn bản được ban hành đúng tiến độ theo chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

- Đối với chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh

Từ đầu năm 2022 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì xây dựng, báo cáo UBND tỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 04 Nghị quyết, gồm:

+ Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai.

+ Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu 02 loại phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đối với chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh: Từ đầu năm 2022 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành 02 quyết định, gồm:

+ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Ban hành đơn giá tư liệu môi trường; quản lý thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh Ban hành quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, Sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác pháp chế, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tổ chức xây dựng, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tiến độ, thời gian theo kế hoạch đăng ký năm 2022.

b) Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện Kế hoạch số 15921/KH-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng Kế hoạch số 29/KH-STNMT ngày 19/01/2022 để triển khai thực hiện

Ngày 04/5/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 2819/STNMT-VP về việc rà soát tham mưu UBND tỉnh bãi bỏ các Văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường không có văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước do Sở tham mưu, xây dựng cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực; cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

c) Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật

Thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng Kế hoạch số 55/KH-STNMT ngày 28/01/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Kế hoạch số 154/KH-STNMT ngày 05/4/2022 về tổ chức thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong thi hành nhiệm vụ, công vụ năm 2022.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Công tác công khai thủ tục hành chính và đơn giản hóa thủ tục hành chính

a) Tình hình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính theo quy định:

Sở đã hoàn thành rà soát và trình UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định (số 475/QĐ-UBND ngày 22/03/2022 và 787/QĐ-UBND ngày 31/03/2022) công bố thủ tục hành chính được ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; thay thế; bãi bỏ theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh là 96 thủ tục, bao gồm: 36 thủ tục đất đai, 10 thủ tục môi trường, 18 thủ tục hành chính về khoáng sản, 17 thủ tục hành chính về lĩnh vực tài nguyên nước, 03 thủ tục lĩnh vực Khí tượng thủy văn, 02 thủ tục lĩnh vực đo đạc và bản đồ; 01 thủ tục lĩnh vực thuế, 09 thủ tục lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm.

+ Số lượng thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện gồm 46 thủ tục, bao gồm 30 thủ tục lĩnh vực đất đai, 04 thủ tục lĩnh vực môi trường, 02 thủ tục lĩnh vực tài nguyên nước, 01 thủ tục lĩnh vực thuế, 09 thủ tục lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm.

+ Số lượng thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã gồm 03 thủ tục, bao gồm: 01 thủ tục lĩnh vực đất đai, 01 thủ tục lĩnh vực thuế, 01 thủ tục lĩnh vực môi trường.

Ngoài ra, để phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 ban hành quy trình dịch vụ công lĩnh vực tài nguyên và môi trường tiếp nhận và xử lý theo cơ chế một cửa tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, bao gồm 06 quy trình thuộc thẩm quyền xử lý của cấp tỉnh và 03 quy trình thuộc thẩm quyền xử lý của cấp huyện.

- Hoàn thành việc công khai, niêm yết thủ tục hành chính: Hiện nay tất cả các thủ tục lĩnh vực tài nguyên và môi trường cấp tỉnh đều được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Hành chính công.

b) Về cung cấp hồ sơ mẫu:

Thực hiện cung cấp 73 bộ hồ sơ mẫu niêm yết tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: lĩnh vực đất đai 26 bộ; lĩnh vực môi trường 10 bộ; lĩnh vực thuế 01 bộ, lĩnh

vực giao dịch đảm bảo 05 bộ, lĩnh vực đo đạc bản đồ và thông tin địa lý 01 bộ, lĩnh vực khí tượng thủy văn 01 bộ, lĩnh vực tài nguyên nước 15 bộ và lĩnh vực khoáng sản 11 bộ. Trong đó, Sở đã điền các hồ sơ mẫu lĩnh vực đất đai theo mô hình phi địa giới cấp huyện là 03 bộ và niêm yết tại Trung tâm hành chính công, để người dân có thể tham khảo (*văn bản số 3680/STNMT-VP ngày 31/5/2022*).

c) Về đơn giản hóa quy định hành chính, thủ tục hành chính năm 2022:

Thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa quy định hành chính, thủ tục hành chính năm 2022 của tỉnh Đồng Nai, ngày 28/01/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kế hoạch số 53/KH-STNMT về rà soát, đơn giản hóa quy định hành chính, thủ tục hành chính năm 2022. Dự kiến sẽ hoàn thành rà soát trình UBND tỉnh trong quý III năm 2022.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.2.1. Tổ chức hoạt động bộ phận một cửa

Thực hiện Quyết định số 4417/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách nhân sự các sở, ban ngành, cơ quan ngành dọc thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 7997/STNMT-VP ngày 22/10/2021 thông báo danh sách nhân sự tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công.

2.2.2. Công tác giải quyết thủ tục hành chính

Thực hiện các Quyết định công bố thủ tục hành chính số: 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020; 2932/QĐ-UBND ngày 17/8/2020; 3433/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; 4201/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai, 2183/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, 3859/QĐ-UBND ngày 06/10/2021, 475/QĐ-UBND ngày 23/02/2022, 787/QĐ-UBND ngày 30/3/2022. Hiện nay tất cả các thủ tục lĩnh vực tài nguyên và môi trường cấp tỉnh đều thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh; kết quả thực hiện đến nay như sau:

- Đối với hồ sơ tổ chức:

Tiếp nhận 2.020 hồ sơ, nâng tổng hồ sơ phải xử lý là 2.402 hồ sơ (bao gồm 382 hồ sơ kỳ trước chuyển sang).

Kết quả, đã giải quyết xong 2.015 hồ sơ, trong đó hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn là 1.991 hồ sơ, hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 24 hồ sơ. Hiện đang xử lý 387 hồ sơ, trong đó có: 377 hồ sơ trong hạn xử lý và 10 hồ sơ quá hạn xử lý.

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng và trước hạn là 98,8%, tỷ lệ hồ sơ trễ hạn là 1,2%.

- Lĩnh vực đất đai hộ gia đình cá nhân theo mô hình phi địa giới:

Tiếp nhận để xử lý 15.740 hồ sơ, nâng tổng hồ sơ cần phải xử lý là 16.196 hồ sơ (bao gồm 456 hồ sơ kỳ trước chuyển sang).

Kết quả đã xử lý 15.782 hồ sơ, trong đó đúng và trước hạn là 15.780 hồ sơ, trễ hạn 02 hồ sơ. Hiện đang giải quyết 414 hồ sơ, trong hạn xử lý 413 hồ sơ, trễ hạn 01 hồ sơ.

Tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt tỷ lệ 99,99%.

- Kết quả giải quyết thủ tục đất đai tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận thông qua Bộ phận một cửa của cấp huyện

Tiếp nhận 290.713 hồ sơ, nâng tổng hồ sơ phải xử lý là 311.919 hồ sơ (bao gồm 21.206 hồ sơ hồ sơ quý trước chuyển sang).

Kết quả đã giải quyết 279.930 hồ sơ, trong đó giải quyết đúng và trước hạn 272.644 hồ sơ, giải quyết trễ hạn 7.286 hồ sơ. Hiện đang giải quyết 31.989 hồ sơ, trong đó, chưa tới hạn 30.644 hồ sơ và trễ hạn 1.345 hồ sơ.

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng và trước hạn đạt 97,4%, trễ hạn chiếm 2,6%

- Nguyên nhân xử lý quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính:

+ Tình hình dịch bệnh các tháng đầu năm 2022 diễn biến phức tạp, số lượng công chức, viên chức dương tính Covid- 19 nhiều nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết thủ tục hành chính.

+ Tính chất của hồ sơ phức tạp, nhất là các hồ sơ lĩnh vực đất đai, cần phải xác minh, xác định vị trí khu đất, làm rõ nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất.

+ Do lỗi khách quan trong giải quyết hồ sơ (hồ sơ phải xin ý kiến các Sở, ngành nhưng các ngành chậm cho ý kiến, do hồ sơ có nguồn gốc đất phức tạp, phải trao đổi xin ý kiến, luân chuyển nhiều lần.

+ Đối với hồ sơ cá nhân: do một số Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh các huyện có sự biến động, tăng vọt về lượng hồ sơ, gần như tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nguồn nhân lực hiện tại chưa đủ để xử lý khối lượng lớn hồ sơ trong cùng thời điểm.

2.2.3. Kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh về việc Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan

hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022. Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành văn bản số 571/STNMT-VP ngày 21/01/2022 để triển khai thực hiện.

Sở cũng tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, thường xuyên thông tin tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp để biết thực hiện.

Ngày 19/4/2022, Sở đã xây dựng kế hoạch số 169/KH-STNMT về Cải cách thủ tục hành chính năm 2022 để theo dõi tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời chỉ đạo xử lý nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc.

Sở Tài nguyên và Môi trường cũng thường xuyên theo dõi kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại sở và hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai, qua đó đã kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh công tác giải quyết thủ tục hành chính đối với các đơn vị có tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trễ hẹn cao (*Văn bản số 2715/STNMT-VP ngày 27/4/2022, 2758/STNMT-VP ngày 28/4/2022, 2927/STNMT-VP ngày 06/5/2022*); việc chấp hành các quy định của công chức viên chức, thái độ phục vụ của đội ngũ công chức viên chức trong giải quyết hồ sơ cho người dân (*Văn bản số 1864/STNMT-VP ngày 28/3/2022*).

Sở đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hoà kịp thời hỗ trợ xử lý các vấn đề liên quan đến cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân (*Văn bản số 1990/STNMT-VP ngày 31/3/2022, 2279/STNMT-VP ngày 12/4/2022*).

Ngoài ra, Sở cũng phối hợp với Cục thuế tỉnh rà soát đề xuất, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai phải thực hiện bổ sung thành phần hồ sơ “tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp” theo quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính, tránh trường hợp người dân phải đi lại nhiều lần để bổ sung hồ sơ (*Văn bản số 3236/STNMT-VP ngày 17/5/2022*).

2.4. Công tác giải quyết phản ánh kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính

Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính:

- Qua tổng đài 1022: 01 phản ánh kiến nghị.
- Tổng số phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp về quy định hành chính được tiếp nhận qua cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022 là 15 phản ánh, kiến nghị, đã giải quyết được 15 phản ánh.

(Đính kèm Biểu mẫu số 3)

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh tại Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương (khóa XII) về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng trình Sở Nội vụ thẩm định Đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy của Sở tại văn bản số 7450/STNMT-VP ngày 02/11/2018 và được UBND tỉnh phê duyệt Đề án tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/02/2019, kết quả đến nay như sau:

- Về cơ cấu tổ chức của Sở và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

Sở Tài nguyên và Môi trường được tổ chức hoạt động theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Đến nay, theo Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, Sở Tài nguyên và Môi trường đã sắp xếp, tinh gọn bộ máy gồm:

+ 05 phòng chuyên môn và 02 chi cục: Văn phòng, Thanh tra, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quy hoạch, Phòng Tài nguyên nước, khoáng sản và biến đổi khí hậu, Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Quản lý đất đai (giảm 02 phòng).

+ 05 đơn vị sự nghiệp: Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trung tâm Công nghệ thông tin (giảm 01 đơn vị); riêng Quỹ Bảo vệ môi trường sẽ thực hiện theo Đề án sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tình hình tổ chức thực hiện rà soát quản lý, sử dụng biên chế, công chức, viên chức:

+ Về rà soát biên chế:

Căn cứ trên số biên chế được UBND tỉnh giao, Sở đã rà soát, giao chỉ tiêu biên chế năm 2022 cho các phòng, đơn vị thuộc Sở. Tổng số biên chế được giao là 105, bao gồm: Khối Văn phòng Sở là 63 biên chế; Chi cục Bảo vệ Môi trường là 24 biên chế; Chi cục Quản lý Đất đai là 18 biên chế.

Số biên chế hiện nay của Sở là 96 biên chế, ít hơn so với chỉ tiêu UBND tỉnh giao là 09 biên chế do điều động, nghỉ việc; hiện nay Sở đang xin chủ trương bổ nhiệm 01 chỉ tiêu Phó Giám đốc Sở; Sở Nội vụ đang thực hiện tuyển dụng 02 chỉ

tiêu, còn lại 06 chỉ tiêu thực hiện tiếp nhận công chức thông qua xét tuyển từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

+ Tình hình quản lý biên chế:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các phòng, đơn vị rà soát chức năng, nhiệm vụ và việc trí việc làm tại văn bản số 1124/STNMT-VP ngày 23/02/2022 để tổng hợp triển khai điều chỉnh Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Kết quả thực hiện các quy định phân cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh

+ Các văn bản về phân cấp quản lý:

Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

+ Tình hình triển khai thực hiện:

Về phân cấp tổ chức, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy đúng theo quy định tại Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 20/4/2016.

+ Đánh giá kết quả thực hiện phân cấp quản lý:

Nhìn chung, việc phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức đã quy định rõ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường. Đối với hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường chưa thực hiện phân cấp quản lý mà thực hiện theo quy định về trách nhiệm của các cấp, các ngành được ghi trong các văn bản quy phạm pháp luật.

(Đính kèm biểu mẫu số 4)

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Tham mưu ban hành đề án vị trí việc làm công chức, viên chức:

Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo các phòng, đơn vị rà soát chức năng, nhiệm vụ và việc trí việc làm tại văn bản số 1124/STNMT-VP ngày 23/02/2022 để tổng hợp triển khai điều chỉnh Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy Sở Tài nguyên và Môi trường gắn với vị trí việc làm và quy định về tổ chức hoạt động của Sở theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ngành Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh, cấp huyện và

Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 Ban hành Quy định về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển):

Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp Sở Nội vụ thực hiện việc tuyển dụng công chức đối với 02 chỉ tiêu theo nhu cầu đăng ký của Sở.

- Kết quả thực hiện các quy định, số lượng bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý:

Trong quý 06 tháng đầu năm, Sở đã bổ nhiệm mới đối với 02 viên chức quản lý tại 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc; điều động và bổ nhiệm 01 công chức và bổ nhiệm lại đối với 01 viên chức quản lý thuộc đơn vị sự nghiệp

- Đánh giá chất lượng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Sở:

Đảm bảo số lượng công chức, viên chức theo từng chức danh, ngạch bậc ở từng vị trí việc làm cụ thể; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hoá chức danh, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước

b) Tình hình triển khai, quán triệt về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị, địa phương; kết quả xử lý các trường hợp vi phạm:

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 2027/UBND-KGVX ngày 28/02/2022 về việc tiếp tục thực hiện tốt các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính và nhiệm vụ, công vụ năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục triển khai đến các phòng, đơn vị thực hiện tốt các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính. Trong 06 tháng đầu năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có 01 trường hợp viên chức quản lý bị xử lý kỷ luật hình thức khiển trách do vi phạm quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; tài chính, kế toán.

c) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: đã xây dựng kế hoạch số 82/KH-STNMT ngày 25/02/2022 đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2022.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: trong 06 tháng năm 2022, lập danh sách đăng ký tham dự các lớp bồi

dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên đối với 52 công chức, viên chức; lớp bồi dưỡng quản lý về tài nguyên và môi trường dành cho Lãnh đạo Sở đối với 02 công chức; lớp hoàn chỉnh chương trình cao cấp chính trị đối với 09 công chức; lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng đối với 25 công chức, viên chức; lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính đối với 11 công chức, viên chức quản lý.

(Đính kèm biểu mẫu số 5)

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách, quản lý tài sản công tại đơn vị, địa phương (*triển khai quy định, phát hiện vi phạm, xử lý khắc phục...*)

+ Đối với việc quản lý tài chính – ngân sách:

Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện điều hành quản lý ngân sách được giao theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Thực hiện Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022. Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức Thông tư trên để nghiên cứu thực hiện.

Thực hiện quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện công khai ngân sách được giao năm 2022 tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và đăng trên trang thông tin điện tử của Sở.

+ Đối với việc quản lý tài sản công:

Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện quản lý, mua sắm, sử dụng theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức

chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Thực hiện quy định về báo cáo tài sản trong năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có báo cáo gửi Sở Tài chính tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2021; báo cáo kê khai biến động tài sản, kê khai bổ sung tài sản chưa kê khai (Văn bản số 1215/STNMT-KHTC ngày 28/02/2022).

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*).

Sở đã triển khai thực hiện các văn bản về cải cách tài chính công về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó, có 03/03 đơn vị hành chính triển khai áp dụng Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ, 05/05 đơn vị sự nghiệp triển khai áp dụng Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Kết quả đã tạo điều kiện thuận lợi, chủ động trong phân bổ kinh phí hoạt động, cũng như thực hiện tiết kiệm chi hàng năm để tăng thu nhập cho viên chức, người lao động.

Thực hiện quy định báo cáo kết quả tự chủ, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có các báo cáo tại các Văn bản số 1304/STNMT-KHTC ngày 03/03/2022; 1157/STNMT-KHTC ngày 24/02/2022.

(Đính kèm biểu mẫu số 6)

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Khai thác các ứng dụng nội bộ phục vụ công tác quản lý điều hành, xử lý công việc

- Kết quả sử dụng phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc:

Tổng số văn bản tiếp nhận tại Sở từ ngày 15/12/2021 tính đến ngày 14/6/2022 số lượng văn bản nhận là 19.108 văn bản (trong đó 18.789 văn bản điện tử và 319 văn bản mật); số lượng văn bản gửi là 6.478 (số lượng văn bản gửi điện tử là 6.376 và 65 văn bản mật, 03 văn bản tối mật, 01 tuyệt mật).

Tỷ lệ văn bản điện tử/tổng số văn bản đạt 100%; Tỷ lệ công chức, viên chức

sử dụng phần mềm quản lý văn bản để quản lý, điều hành, xử lý công việc đạt 100%.

- Kết quả ứng dụng chữ ký số, chứng thư số để xác thực văn bản điện tử trên phần mềm quản lý văn bản - điều hành công việc và phần mềm một cửa điện tử để giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân, doanh nghiệp:

Hiện nay, Sở đã áp dụng chữ ký số trong giải quyết thủ tục hành chính trong việc ký phiếu chuyển thuế điện tử thông quan phần mềm liên thông đất đai - thuế, trước đó, Sở đã phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị Cục Cơ yếu Đảng - Chính quyền cấp chữ ký số cho Lãnh đạo Văn phòng Đảng ký đất đai (*đã cấp 12 Chứng thư số cho tổ chức và 40 chữ ký số cho Giám đốc, Phó giám đốc Văn phòng Đảng ký đất đai tỉnh, Giám đốc các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai*).

100% Lãnh đạo Sở cũng đã triển khai thực hiện ứng dụng chữ ký số trên văn bản hành chính. Hoàn thiện cung cấp và sử dụng 100% đối với cán bộ Lãnh đạo các phòng, đơn vị trong việc sử dụng chữ ký số.

- Chỉnh sửa, phát triển bổ sung một số chức năng trên phần mềm Quản lý đất đai: đã bổ sung một số chức năng trên phần mềm Quản lý đất đai theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư 09/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; thực hiện nâng cấp cơ chế bảo đảm an toàn thông tin của phần mềm Quản lý đất đai.

- Chỉnh sửa, phát triển bổ sung một số chức năng trên phần mềm Điều hành công việc: đã thực hiện hiệu chỉnh cấu hình chữ ký số theo hướng dẫn tại văn bản 4389/SNV-VTLT ngày 07/10/2021 của Sở Nội vụ.

- Chỉnh sửa, phát triển bổ sung một số chức năng trên phần mềm Quản lý Tài nguyên nước: đã hoàn thành chuẩn cấu trúc, dữ liệu thông tin giấy phép theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT; nâng cấp phần mềm quản lý tài nguyên nước theo Thông tư 17/2021/TT-BTNMT.

- Tình hình thực hiện việc lưu trữ hồ sơ điện tử theo quy định hiện hành: Hiện nay Sở đã triển khai việc lập hồ sơ công việc, số hoá các loại giấy tờ, hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Việc lưu trữ hồ sơ được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm chuyên ngành, kết nối chia sẻ với các dữ liệu chuyên ngành khác

Hiện nay, Sở có một đơn vị chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin hỗ trợ cho Sở trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, trong việc theo dõi các văn bản chỉ đạo của cấp trên, theo đó, Sở cũng đã chỉ đạo xây dựng các phần mềm, modul nhằm hỗ trợ cho việc theo dõi kết quả

giải quyết thủ tục hành chính, theo dõi việc báo cáo theo từng lĩnh vực.

Đồng thời, chỉ đạo triển khai nâng cấp đồng bộ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; kết hợp nâng cấp xây dựng đồng bộ các phần mềm chuyên ngành, phục vụ nhiều đối tượng, gồm:

+ Phần mềm Đất đai: phục vụ xây dựng hoàn thiện dữ liệu, đăng ký cấp giấy chứng nhận và cập nhật biến động trên hơn 1,6 triệu thửa đất; phục vụ công tác quản lý của các cấp Lãnh đạo (báo cáo thống kê nhanh trên nền web, Android và IOS); phục vụ công tác của cán bộ địa chính của 171 phường/xã (nền web, Android và IOS), phục vụ khai thác thông tin đất đai của người dân theo quy định (trên nền web, Android và IOS).

+ Phần mềm Môi trường: Đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường cơ sở sản xuất kinh doanh; thực hiện việc tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục; công bố dữ liệu quan trắc môi trường của các điểm quan trắc môi trường đến người dân theo quy định (nền web, Android và IOS).

+ Tiếp tục phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông vận hành hệ thống Một cửa điện tử Egov; rà soát, phối hợp cập nhật các quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo các Quyết định công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung.

+ Triển khai hiệu quả phần mềm liên thông đất đai - thuế điện tử, góp phần giảm thiểu việc luân chuyển hồ sơ giấy giữa hệ thống Văn phòng Đăng ký Đất đai và các Chi cục thuế.

- Kết quả triển khai Hệ thống quản lý chất lượng ISO, ISO điện tử trên cơ sở ứng dụng CNTT sử dụng các phần mềm hiện có kết hợp với các ưu điểm của Hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước: Sở đã ban hành Kế hoạch số 102/KH-STNMT ngày 10/3/2022 về việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 ứng dụng công nghệ thông tin (ISO điện tử) năm 2022.

6.2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân

- Đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:

Sở đã triển khai đến công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở vận hành và sử dụng phần mềm Egov vào quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho việc tra cứu thông tin hồ sơ của người dân và doanh nghiệp.

- Các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại đơn vị

Sở đã triển khai đến các phòng đơn vị thuộc Sở để quán triệt công chức, viên chức và người lao động chủ động rà soát, đề xuất các thủ tục hành chính có khả năng thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để tổng hợp báo cáo UBND xem xét.

Liên quan đến dịch vụ công trực tuyến, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp các đơn vị (Sở Nội Vụ, Sở Thông tin và truyền thông) rà soát các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Sở và gửi các đơn vị nêu trên tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (*Văn bản số 2729/STNMT-VP ngày 28/4/2022, 2881/STNMT-VP ngày 05/5/2022*); báo cáo UBND tỉnh xem xét (*Văn bản số 3684/STNMT-VP ngày 31/5/2022*).

Sở cũng kiến nghị UBND tỉnh bãi bỏ các thủ tục hành chính không đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ công trực tuyến và các thủ tục hành chính đang thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong 03 năm không phát sinh hồ sơ kể cả hồ sơ giấy và hồ sơ trực tuyến (*Văn bản số 6272/STNMT-VP ngày 11/8/2021, 8122/STNMT-VP ngày 28/10/2021*).

- Kết quả triển khai các ứng dụng công nghệ riêng của đơn vị, địa phương phục vụ người dân và doanh nghiệp

Sở đã hình thành một hệ thống tích hợp và điều hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tập trung kết nối với cấp huyện, xã để phục vụ công tác quản lý của ngành. Ngoài ra, Sở cũng đã từng bước thực hiện liên thông, chia sẻ cơ sở dữ liệu của ngành tài nguyên và môi trường với các ngành khác như: Liên thông thuế điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Liên thông với cơ sở dữ liệu giao dịch bảo đảm của Sở Tư pháp nhằm xác thực thông tin quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất trong các giao dịch mua bán chuyển nhượng; Chia sẻ thông tin với các hệ thống điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh...

Trong thời gian tới, Sở tiếp tục xây dựng giải pháp tuyên truyền và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành việc liên thông kết nối, tích hợp cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) về đất đai cho các tổ chức và cá nhân. Việc thực hiện thanh toán trực tuyến không chỉ mang lại các lợi ích thiết thực với người dân, doanh nghiệp mà còn hỗ trợ các cơ quan nhà nước có thể theo dõi tiến trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đối với các hồ sơ trong lĩnh vực đất đai; hạn chế việc tiếp xúc trực tiếp tại các cơ quan, đơn vị liên quan; góp phần cải cách thủ tục hành chính, chủ động phòng, chống dịch COVID-19.

- Chất lượng trang thông tin điện tử của đơn vị, cụ thể:

Stt	Nội dung	Thông tin kịp thời	Đầy đủ thông tin	Thuận tiện truy cập, khai thác thông tin
1	Các tin tức, sự kiện nổi bật trong ngành tài nguyên và môi trường	x	x	- Cổng thông tin điện tử được tích hợp với Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh Đồng Nai và liên kết với các Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Ngoài ra, đối với các ứng dụng tra cứu thông tin phục vụ tra cứu, khai thác thông tin cũng được Sở Tài nguyên và Môi trường tích hợp thành các biểu tượng giúp thuận tiện trong việc sử dụng
2	Văn bản pháp luật ngành tài nguyên và môi trường được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở	x	x	
3	Nội dung Thông tin liên hệ	x	x	
4	Bảo trì Cổng thông tin điện tử	x	x	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành cải cách hành chính của Sở được quan tâm, chỉ đạo xuyên suốt, kịp thời rà soát các khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh xem xét. Ngay từ đầu năm, Giám đốc Sở đã chỉ đạo rà soát kết quả thực hiện cải cách hành chính của năm 2021, nhất là đánh giá cụ thể những vấn đề còn tồn tại trong thời gian qua để tập trung các giải pháp đưa vào Kế hoạch thực hiện năm 2022. Sở đã đề ra chỉ tiêu phấn đấu giải quyết hồ sơ đúng hạn và trước hạn trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường từ 97% trở lên đối với cả hồ sơ tổ chức và hồ sơ cá nhân.

- Các thủ tục hành chính được niêm yết, công khai, đầy đủ, rõ ràng, có hồ sơ mẫu để tham khảo trong quá trình thực hiện. Người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính được hướng dẫn tận tình, dễ dàng tra cứu và kiểm soát việc xử lý hồ sơ của cơ quan nhà nước.

- Chủ động rà soát, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất điều chỉnh các vướng mắc trong giải quyết hồ sơ, đặc biệt đối với lĩnh vực đất đai và các ứng dụng của phần mềm một cửa (Egov).

- Tiếp tục phối hợp với Trung tâm Hành chính công tỉnh thực hiện hiệu quả mô hình “phi địa giới hành chính”; tiếp nhận và giải quyết hiệu quả các thủ tục hành chính dịch vụ công.

- Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành; giải quyết thủ tục hành chính.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thường xuyên thay đổi cho phù hợp với thực tiễn quản lý cho nên các quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường cần phải chỉnh sửa cho phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn giải quyết hồ sơ. Một số trường hợp Sở đã có văn bản xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn thực hiện, tuy nhiên tới nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn nên việc xử lý hồ sơ vẫn còn chậm trễ.

- Việc giải quyết thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai là vấn đề phức tạp, cần phải kiểm tra, xác minh thực tế làm mất nhiều thời gian làm chậm tiến độ giải quyết hồ sơ.

- Mặc dù, trong thời gian qua Sở đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân nộp thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, tuy nhiên số lượng thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến vẫn chưa đạt chỉ tiêu được UBND tỉnh giao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM TRONG QUÝ III/2022

1. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, nâng cao kết quả giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phối hợp các đơn vị thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Triển khai thực hiện hiệu quả các Kế hoạch cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022, Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính, Kế hoạch thông tin, tuyên truyền.

3. Tiếp tục rà soát, tham mưu hoàn chỉnh Bộ thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, quy trình điện tử chuẩn hóa để thực hiện cấu hình trên phần mềm Hồ sơ điện tử Egov theo chỉ đạo.

4. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố hoàn chỉnh phương án đơn giản hóa quy định hành chính, thủ tục hành chính năm 2022, trình UBND tỉnh xem xét.

5. Xây dựng kế hoạch tập huấn công tác cải cách hành chính và nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai năm 2022 của Sở, làm cơ sở triển khai thực hiện.

6. Đẩy mạnh triển khai xây dựng, hoàn thiện Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường, xác lập môi trường thông tin, dữ liệu điện tử, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 964/QĐ-BTNMT ngày 17/4/2019.

7. Đối với các đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Tiếp tục rà soát, theo dõi, chỉ đạo xử lý nghiêm các đơn vị để xảy ra tình trạng chậm công bố, công khai, niêm yết thủ tục hành chính hoặc thiếu trách nhiệm, chậm trễ gây phiền hà trong giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp.

8. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính; tham mưu xây dựng các quy trình dịch vụ công, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; áp dụng các mô hình mới, sáng kiến mới trong giải quyết thủ tục hành chính; tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp nhằm đẩy mạnh áp dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.

9. Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ, kịp thời báo cáo UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để UBND tỉnh có chỉ đạo nhằm hạn chế việc chậm trễ trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính hướng tới giải quyết tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đối với các thủ tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, căn cứ các quy định Điều 5 Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Phụ lục X Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ và chỉ tiêu được giao về dịch vụ công trực tuyến, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy chỉ tiêu về tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 60% tại cấp Sở và tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua trực tuyến mức độ 3, 4 đạt tối thiểu 60% trên tổng số hồ sơ cấp Sở đối với Sở Tài nguyên và Môi trường là không có khả năng để thực hiện. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường, kính báo cáo UBND tỉnh, Sở Nội vụ xem xét không giao các chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến đối với Sở để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện. Liên quan nội dung này, Sở cũng thường xuyên rà soát các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để báo cáo UBND tỉnh xem xét.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính gửi Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

[D:\Hong\CCHC\2022\BC6thang](#)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Thường

PHẦN 2 – HỆ THỐNG BIỂU MẪU SỐ LIỆU**Biểu mẫu 1****Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	72	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	60%	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	17	Các nhiệm vụ được triển khai theo tiến độ của kế hoạch
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	02 chi nhánh VPĐK
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Truyền thông về CCHC			
4.1	Tin bài viết về CCHC, KSTTHC	Tin bài	8	
4.2	Chương trình truyền hình, phát thanh	Chương trình	0	
4.3	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do đơn vị tham mưu ban hành/ UBND cấp huyện ban hành	Văn bản	06	04 NQ và 02 QĐ
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL		0	Sở đang triển khai thực hiện
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC (Các sở, ban ngành)			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	9	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	10	Thay thế 02; bãi bỏ 8
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	145	96 thủ tục cấp tỉnh; 46 thủ tục cấp huyện và 03 thủ tục cấp xã
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	15	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,8	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	17.797	2.015 đối với hồ sơ tổ chức và 15.782 đối với hồ sơ theo mô hình phi địa giới
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	17.771	1.991 đối với hồ sơ tổ chức và 15.780 đối với hồ sơ theo mô hình phi địa giới
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	15	
3.2.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	15	15 qua cổng dịch vụ công quốc gia 01 qua tổng đài 1022
3.2.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	15	15 qua cổng dịch vụ công quốc gia 01 qua tổng đài 1022

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Đã ban hành quy định về tổ chức bộ máy sau sắp xếp, kiện toàn	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	1	
1.2.	Đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	
1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) thuộc đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	5	
1.3.1.	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	5	
1.3.2.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.3.3.	Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	105	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	96	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Đơn vị, địa phương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đã phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	3	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	3	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	8	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	1	
3.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
4.	Thực hiện Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng			
4.1	Số công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng các lớp cao cấp, trung cấp chính trị	Người	27	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.	Số công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ, tập huấn từ 05 ngày trở lên	Người	8	
5.	Số liệu về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo quản lý			
5.1.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	02	
5.2.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm lại	Người	1	
5.3.	Số lượng bổ nhiệm thông qua thi tuyển	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (đối với UBND cấp huyện)	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập thuộc đơn vị, địa phương	Đơn vị	5	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	4	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Kết nối vận hành Hệ thống hợp trực tuyến với cấp tỉnh	Chưa có = 0 Đã kết nối = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (nếu có)	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của đơn vị, địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	0	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	16	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	3	
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	20	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	17	Đã có văn bản số 2280/STNMT-VP ngày 12/4/2022 đề xuất thực hiện các TTHC đủ điều kiện
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	4	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>			
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4</i>	<i>Thủ tục</i>	33	
	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	33	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	20%	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	2.402	
	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	481	<i>461 hồ sơ nhận mới và 20 hồ sơ kỳ trước chuyển sang</i>
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	51	
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>		